

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ ECOSW GREEN
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ QUỐC TẾ ECOSW GREEN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ECOSW GREEN INTERNATIONAL TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ECOSW GREEN INTERNATIONAL TECHNOLOGY., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110909165

3. Ngày thành lập: 07/12/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 05 - TT23 Khu đô thị Văn Phú, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0868881169

Fax:

Email: Ecoswgreen@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất chè	1076
2.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
3.	Trồng cây lâu năm khác	0129
4.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
5.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
6.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
7.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
8.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
9.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
10.	Sản xuất đường	1072
11.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
12.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
13.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
14.	Sản xuất cà phê	1077
15.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
16.	Sản xuất rượu vang	1102
17.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
18.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
19.	In ấn (Trừ loại nhà nước cấm)	1811
20.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ dập khuôn tem)	1812

21.	Sao chép bản ghi các loại (Trừ loại nhà nước cấm) ⁴	1820
22.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
23.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
24.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
25.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
26.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
27.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
28.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700(Chính)
29.	Thu gom rác thải không độc hại (Không hoạt động tại trụ sở)	3811
30.	Thu gom rác thải độc hại (Không hoạt động tại trụ sở)	3812
31.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại (Không hoạt động tại trụ sở)	3821
32.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại (Không hoạt động tại trụ sở)	3822
33.	Tái chế phế liệu (Không hoạt động tại trụ sở)	3830
34.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
35.	Xây dựng nhà để ở	4101
36.	Xây dựng nhà không để ở	4102
37.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
38.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
39.	Xây dựng công trình điện	4221
40.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
41.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
42.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
43.	Xây dựng công trình thủy	4291
44.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
45.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
46.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
47.	Phá dỡ (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4311
48.	Chuẩn bị mặt bằng (Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)	4312
49.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
50.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
51.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329

52.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
53.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
54.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ hoạt động đấu giá hàng hóa, môi giới bảo hiểm, chứng khoán)	4610
55.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ động vật hoang dã và động vật quý hiếm)	4620
56.	Bán buôn thực phẩm	4632
57.	Bán buôn đồ uống	4633
58.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
59.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ dược phẩm)	4649
60.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
61.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ vàng)	4662
62.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
63.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
64.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
65.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
66.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
67.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
68.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
69.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
70.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
71.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
72.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ bán lẻ vàng, sừng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

73.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi; Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng; Kinh doanh vận tải khách du lịch bằng xe ô tô	4932
74.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
75.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
76.	Bốc xếp hàng hóa	5224
77.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú	5510
78.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh phòng hát Karaoke, quán Bar, vũ trường);	5610
79.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
80.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
81.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
82.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất (Loại trừ hoạt động tư vấn pháp luật, đấu giá; Trừ sàn giao dịch bất động sản) Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản Dịch vụ dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản	6820
83.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế cơ - điện công trình (không bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp); Thiết kế cấp - thoát nước công trình; Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ; Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ; cầu - hầm; đường sắt; đường thủy nội địa, hàng hải); Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn; Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều; Thiết kế quy hoạch xây dựng	7110
84.	Quảng cáo (Trừ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cấm quảng cáo)	7310

85.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu (loại trừ hoạt động thanh toán hối phiếu và thông tin tỷ lệ lượng, Tư vấn chứng khoán và hoạt động của các nhà báo độc lập)	7490
86.	Cho thuê xe có động cơ	7710
87.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
88.	Đại lý du lịch	7911
89.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế	7912
90.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
91.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
92.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
93.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
94.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ hợp báo)	8230
95.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;	8299
96.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ tư vấn du học	8560

6. Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 2.000.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	ĐẶNG THỊ THANH NGÀ	Thôn Lương Xá, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	0013010214 94	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000		
			Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000		
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
2	ĐẶNG VIẾT LUYẾN	Thôn Lương Xá, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.800.0 00	18.000.000.000	90,000	0010800465 20	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.800.0 00	18.000.000.000	90,000		

3	ĐẶNG VIẾT KHÁNH	Thôn Lương Xá, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	001074039226
			Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	5,000	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	5,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài , nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐẶNG VIẾT LUYỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 21/10/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001080046520

Ngày cấp: 10/05/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Thôn Lương Xá, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Lương Xá, Xã Lam Điền, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội